CHUONG III

CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

KẾT CẦU NỘI DUNG

I. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

II. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC

III. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI

IV. Ý THỨC XÃ HỘI

V. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

I. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội

3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên

I.1. SẢN XUẤT VẬT CHẤT LÀ CƠ SỞ CỦA SỰ TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

- Sản xuất là hoạt động không ngừng sáng tạo ra giá trị vật chất và tinh thần nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu tồn tại và phát triển của con người.
- Sự sản xuất xã hội: sản xuất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực, bao gồm ba phương diện không tách rời nhau: + Sản xuất vật chất (cơ sở quyết định); Sản xuất tinh thần; Sản xuất ra bản thân con người.

I.1. SẢN XUẤT VẬT CHẤT LÀ CƠ SỞ CỦA SỰ TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

Sản xuất vật chất là quá trình con người sử dụng công cụ lao động tác động trực tiếp hoặc gián tiếp vào tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiên để tạo ra của cải xã hội, nhằm thoả mãn nhu cầu tồn tại và phát triển của con người.

SẢN XUẤT VẬT CHẤT LÀ CƠ SỞ CỦA SỰ TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

VAI TRÒ CỦA SẢN XUẤT VẬT CHẤT

Cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội loài người

Tiền đề trực tiếp tạo ra "tư liệu sinh hoạt của con người"

Cơ sở hình thành nên quan hệ kinh tế - vật chất, các quan hệ xã hôi khác.

Sáng tạo ra toàn bộ đời sống vật chất và đời sống tinh thần của xã hội.

SẢN XUẤT VẬT CHẤT LÀ CƠ SỞ CỦA SỰ TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

Ý NGHĨA PHƯƠNG PHÁP LUẬN

Để nhận thức và cải tạo xã hội, phải xuất phát từ đời sống sản xuất, từ nền sản xuất vật chất xã hội. Xét đến cùng, không thể dùng tinh thần để giải thích đời sống tinh thần; để phát triển xã hội phải bắt đầu từ phát triển đời sống kinh tế- vật chất.

I.2. BIỆN CHỨNG GIỮA LỰC LƯỢNG SẨN XUẤT VÀ QUAN HỆ SẨN XUẤT

A. PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT

KHÁI NIỆM

Là cách thức con người thực hiện quá trình sản xuất vật chất ở những giai đoạn lịch sử nhất định của xa hội loài người

KÉT CÁU

Sự thống nhất giữa lực lượng sản xuất với một trình độ nhất định và quan hệ sản xuất tương ứng

LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

PHƯƠNG THỰC SẢN XUẤT Người lao động

Tư liệu sản xuất

Tư liệu lao động

Đối tượng lao động

Công cụ lao động Phương tiện Lao động

QUAN HỆ SẢN XUẤT

Quan hệ sở hữu

Quan hệ quản lý Quan hệ phân phối

I.2.B. QUY LUẬT QUAN HỆ SẨN XUẤT PHÙ HỢP VỚI TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG SẨN XUẤT

VI TRÍ

LÀ QUY LUẬT CƠ BẢN NHẤT CỦA SỰ VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN LỊCH SỬ XÃ HỘI

NỘI DUNG

Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai mặt của một phương thức sản xuất, *tác động biện chứng*, trong đó lực lượng sản xuất *quyết định* quan hệ sản xuất, quan hệ sản xuất *tác động* trở lại to lớn đối với lực lượng sản xuất

VAI TRÒ QUYẾT ĐỊNH CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

Vì sao LLSX quyết định QHSX: LLSX là nội dung của quá trình sản xuất, có tính năng động, cách mạng và thường xuyên phát triển

Nội dung sự quyết định:

LLSX quyết định sự ra đời của một QHSX mới, quyết định nội dung và tính chất của QHSX

TÍNH CHẤT VÀ TRÌNH ĐỘ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT





Trình độ của công cụ lao động

TRÌNH ĐỘ CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Trình độ tổ chức lao động xã hội

Trình độ ứng dụng khoa học vào sản xuất

Trình độ kinh nghiệm, kỹ năng người

<u>lao đông</u>

Trình độ phân công lao động xã hội

Sản xuất của cải đặc biệt, hàng hoá đặc biệt (phát minh, sáng chế, bí mật công nghệ) trở thành nguyên nhân mọi biến đổi trong LLSX

Rút ngắn khoảng cách từ phát minh, sáng chế đến ứng dụng vào sản xuất, làm cho năng suất lao động, của cải xã hội tăng nhanh

Kịp thời giải quyết những mâu thuẫn, yêu cầu sản xuất đặt ra. Có khả năng phát triển "vượt trước"

Thâm nhập vào các yếu tố, trở thành mắt khâu bên trong quá trình sản xuất (Tri thức khoa học kết tinh vào người lao động, quản lý, "vật hoá" vào công cụ và đối tượng lao động)

Kích thích sự phát triển năng lực

làm chủ sản xuất của con người

KHOA HỌC TRỞ THÀNH LỰC LƯỢNG

TRỰC TIẾP

SẢN XUẤT

SỰ TÁC ĐỘNG TRỞ LẠI CỦA QHSX ĐỐI VỚI LLSX

Vì sao QHSX tác động trở lại LLSX:

QHSX là hình thức xã hội của quá trình sản xuất, có tính độc lập tương đối và ổn định về bản chất. QHSX phù hợp với trình độ của LLSX là yêu cầu khách quan của nền sản xuất.

Nội dung sự tác động trở lại của QHSX đối với LLSX

- Sự phù hợp quy định mục đích, xu huớng phát triển, hình thành hệ thống động lực thúc đẩy sản xuất phát triển.
- Sự tác động diễn ra hai chiều hướng: Thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của lực luọng sản xuất.
- ➤ Trạng thái vận động của mâu thuẫn biện chứng:
 Phù hợp → Không phù hợp → Phù hợp mới cao hơn →...
- Con người giữ vai trò chủ thể nhận thức giải quyết mâu thuẫn, thiết lập sự phù hợp.
- Trong xã hội có đối kháng giai cấp: Mâu thuẫn LLSX và QHSX được biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giai cấp; được giải quyết thông qua đấu tranh giai cấp mà đỉnh cao là cách mạng xã hội

ĐÂY LÀ QUY LUẬT PHỔ BIẾN CỦA SỰ VẬN ĐỘNG, PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

Ý NGHĨA TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Muốn *phát triển kinh tế* phải bắt đầu từ phát triển LLSX, trước hết là phát triển lực lượng lao động và công cụ lao động.

Muốn xoá bỏ một QHSX cũ, thiết lập một QHSX mới phải căn cứ từ trình độ phát triển của LLSX, không phải là kết quả của mệnh lệnh hành chính, chống tuỳ tiện, chủ quan, duy tâm, duy ý chí.

I.3.A. BIỆN CHỨNG GIỮA CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ KIẾN TRÚC THƯỢNG TẦNG

KHÁI NIỆM CƠ SỞ HẠ TẦNG

ĐỊNH NGHĨA

Là toàn bộ những quan hệ sản xuất của xã hội trong sự vận động hiện thực của chúng hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội đó

CÁC YẾU TỐ CẦU THÀNH Quan hệ sản xuất thống trị

Quan hệ sản xuất tàn dư

Quan hệ sản xuất mầm mống

KHÁI NIỆM KIẾN TRÚC THƯỢNG TẦNG

ĐỊNH NGHĨA

Kiến trúc thượng tầng của xã hội là toàn bộ những tư tưởng xã hội với những thiết chế xã hội tương ứng cùng những quan hệ nội tại của thượng tầng hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định

CÂU TRÚC

CÁC YẾU TỐ

Các hình thái tư tưởng) xã hội QUAN HÉ

Các thiết chế xã hội tương ứng

CÁC

I.3.B. QUY LUẬT VỀ MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA CSHT & KTTT

Vị trí quy luật Đây là một trong hai quy luật cơ bản của sự vận động phát triển lịch sử xã hội

Nội dung quy luật Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là hai mặt cơ bản của xã hội, tác động biện chứng, trong đó cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng còn kiến trúc thượng tầng tác động trở lại to lớn

Thực chất của quy luật/ Sự hình thành, vận động và phát triển các quan điểm tư tưởng cùng với những thể chế chính trị xã hội tương ứng xét đến cùng phụ thuộc vào quá trình sản xuất và tái sản xuất các quan hệ kinh tế

Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng

Vì sao quyết định Từ quan hệ vật chất quyết định quan hệ tinh thần

Từ tính tất yếu kinh tế xét đến cùng quyết định tính tất yếu chính trị - xã hội

Nội dung quyết định Quyết định sự ra đời của KTTT

Quyết định cơ cấu KTTT

Quyết định tính chất của KTTT

Quyết định sự vận động phát triển của KTTT

Sự tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng

Vì sao tác động trở lại Do tính độc lập tương đối của KTTT, tính năng động, sáng tạo của ý thức, tinh thần

Do vai trò sức mạnh vật chất của bộ máy tổ chức - thể chế

Nội dung tác động trở lại Củng cố, hoàn thiện và bảo vệ CSHT sinh ra nó, thực chất là bảo vệ lợi ích kinh tế của giai cấp thống trị

Ngăn chặn CSHT mới, xoá bỏ tàn dư CSHT cũ

Định hướng, tổ chức, xây dựng chế độ kinh tế

Phương thức tác động trở lại Tác động theo hai chiều: nếu cùng chiều với quy luật kinh tế thì thúc đẩy xã hội phát triển, hoặc nguợc lại

Kiến trúc thượng tầng chính trị có vai trò lớn nhất do phản ánh trực tiếp CSHT, là biểu hiện tập trung của kinh tế



Là *cơ sở khoa học* cho việc nhận thức một cách đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị.

Trong nhận thức và thực tiễn, nếu *tách* rời hoặc *tuyệt đối hoá* một yếu tố nào giữa kinh tế và chính trị đều là sai lầm dẫn đến vô chính phủ, bất chấp kỷ cương, pháp luật hoặc duy tâm, duy ý chí, nôn nóng.

I.4. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên

I.4.a. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội I.4.b. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người

I.4.c. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng

I.4.a. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội

Định nghĩa

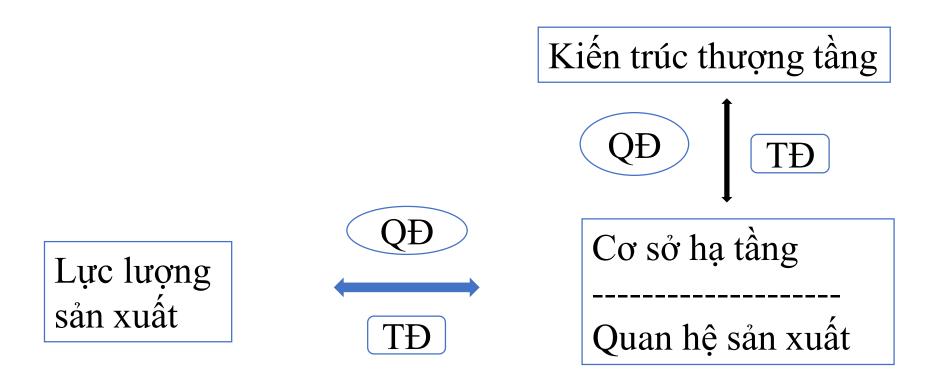
Hình thái kinh tế - xã hội là một phạm trù cơ bản của CNDVLS dùng để chỉ xã hội ở từng nấc thang lịch sử nhất định với một kiểu QHSX đặc trưng cho xã hội đó, phù hợp với một trình độ nhất định của LLSX và một KTTT tương ứng được xây dựng trên QHSX ấy

I.4.b. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người:

- Ba yếu tố cơ bản: LLSX QHSX(CSHT) và KTTT tác động biện chứng, tạo nên sự vận động, phát triển của lịch sử xã hội, thông qua sự tác động tổng hợp của hai quy luật cơ bản:
 - + Quy luật QHSX phù hợp với trình độ của LLSX
- + Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa CSHT và KTTT của xã hội.

I.4. Sự phát triển các hình thái KT - XH

Sơ đồ hình thái kinh tế - xã hội



I.4.C. GIÁ TRỊ KHOA HỌC BỀN VỮNG VÀ Ý NGHĨA CÁCH MẠNG

* Phương pháp luận trong hoạt động nhận thức và cải tạo xã hội (Muốn *nhận thức* và *cải tạo* xã hội phải nhận thức và tác động cả ba yếu tố cơ bản: LLSX, QHSX(CSHT) và KTTT).

* Cơ sở khoa học quán triệt quan điểm của Đảng ta về con đường đi lên CNXH của nước ta

* Sự phát triển của xã hội, xét đến cùng bắt đầu từ việc xây dựng, phát triển LLSX.

II. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC

II.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp

II.2. Dân tộc

II.3. Mối quan hệgiai cấp – dân tộc– nhân loại

II.1. GIAI CẤP VÀ ĐẦU TRANH GIAI CẤP

a. Giai cấp

Định nghĩa: "Người ta gọi là giai cấp, những tập đoàn to lớn gồm những người khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử, khác nhau về quan hệ của họ (thường thường thì những quan hệ này được pháp luật quy định và thừa nhận) đối với tư liệu sản xuất, về vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội và như vậy là khác nhau về cách thức hưởng thụ và về phần của cải xã hội ít hoặc nhiều mà họ được hưởng. Giai cấp là những tập đoàn người, mà tập đoàn này thì có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác, do chỗ tập đoàn đó có địa vị khác nhau trong một chế độ kinh tế - xã hội nhất định"

Giai cấp là những tập đoàn người có địa vị kinh tế - xã hội khác nhau

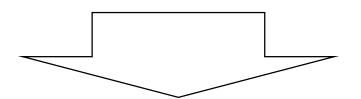
Dấu hiệu chủ yếu quy định địa vị KT-XH của các GC là các mối quan hệ kinh tế - vật chất giữa các tập đoàn người trong PTSX

Thực chất của quan hệ giai cấp là quan hệ giữa bóc lột và bị bóc lột

Nguồn gốc giai cấp Nguyên nhân sâu xa của sự xuất hiện giai cấp là sự phát triển của LLSX làm cho năng suất lao động tăng lên, tạo tiền đề cho tập đoàn người này chiếm đoạt lao động của người khác.

Nguyên nhân trực tiếp đưa tới sự ra đời của giai cấp là xã hội xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.

Kết cấu giai cấp



Là tổng thể các giai cấp và mối quan hệ giữa các giai cấp, tồn tại trong một giai đoạn lịch sử nhất định

- Giai cấp cơ bản
- Giai cấp không cơ bản
- Tầng lớp và nhóm xã hội

II.1.b. Đấu tranh giai cấp

Tính tất
yếu và
thực chất
của đấu
tranh giai
cấp

Đấu tranh giai cấp là *tất yếu* do sự đối lập về lợi ích căn bản không thể điều hòa được giữa các giai cấp.

Đấu tranh giai cấp là cuộc đấu tranh của các tập đoàn người to lớn có lợi ích căn bản đối lập nhau trong một PTSX xã hội nhất định.

Thực chất là cuộc đấu tranh của quần chúng lao động bị áp bức, bóc lột chống lại giai cấp áp bức, bóc lột nhằm lật đổ ách thống trị của chúng

Vai trò của đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp



Trong xã hội có giai cấp, đấu tranh giai cấp là động lực trực tiếp, quan trọng của lịch sử.

Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội, nhưng không phải là động lực duy nhất mà là một động lực trực tiếp và quan trọng.

II.1.c. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản

* Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản khi chưa có chính quyền (bạo lực cách mạng, giành chính quyền)

* Đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH (nhiều hình thức, nội dung, trên nhiều lĩnh vực)

Đặc điểm đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

- *Nội dung: thực hiện thắng lợi mục tiêu độc lập dân tộc,chủ nghĩa xã hội, xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- *Hình thức: kết hợp hành chính và giáo dục; giữa cải tạo và xây dựng; sử dụng các hình thức kinh tế trung gian, quá độ...

II.2. DÂN TỘC

a. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc



Thị tộc

Bộ lạc

Bộ tộc

- * Thị tộc
- Thị tộc: thiết chế xã hội đầu tiên, là hình thức cộng đồng người sớm nhất của loài người.
- Các thành viên trong thị tộc tiến hành *lao động chung*, vai trò phụ thuộc vào *vị trí* của họ trong *nền sản xuất* nguyên thuỷ.

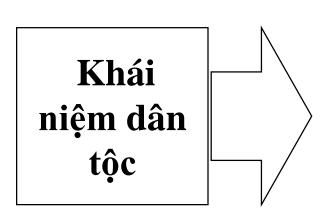
- * Thị tộc
- Có *cùng một tổ tiên* và nói chung một thứ tiếng; có những thói quen và tín ngưỡng chung; mỗi thị tộc có một *tên gọi riêng*.
- Thị tộc *bầu ra* tù trưởng, tộc trưởng, lãnh tụ quân sự để điều hành công việc chung của thị tộc. Quyền lực thực hiện dựa trên cơ sở của *uy tín*, đạo đức cá nhân của họ.
- Mọi thành viên đều bình đẳng về quyền lợi nghĩa vụ.

- * Bộ lạc
- Bộ lạc là cộng đồng bao gồm những thị tộc có quan hệ cùng *huyết thống* hoặc có quan hệ *hôn nhân* liên kết với nhau.
- Cơ sở kinh tế của bộ lạc là *chế độ công hữu về đất* đại và công cụ sản xuất. Quan hệ giữa các thành viên trong lĩnh vực sản xuất vật chất là *bình đẳng*.

- * Bộ tộc
- Mỗi bộ tộc có *tên gọi riêng*; có *lãnh thổ riêng* mang tính ổn định; có một *ngôn ngữ thống nhất*. thổ ngữ của các bộ lạc vẫn được sử dụng rộng rãi.
- Việc điều hành công việc xã hội thuộc về nhà nước.

- * Bộ tộc
- Là hình thức cộng đồng người hình thành khi xã hội có sự phân chia thành giai cấp.
- Hình thành từ sự *liên kết* của nhiều bộ lạc sống trên một *lãnh thổ nhất định*, không cùng huyết thống.
- Bộ tộc hình thành cùng với *chế độ chiếm hữu nô lệ*, hoặc *phong kiến*.

II.2.b. Dân tộc – hình thức cộng đồng người phổ biến nhất hiện nay



Nghĩa rộng:

Dân tộc (nation) dùng để chỉ quốc gia dân tộc

Nghĩa hẹp:

Dân tộc (ethnie; ethnic group) dùng để chỉ cộng đồng tộc người (dân tộc đa số và dân tộc thiểu số)

2.2. Dân tộc – hình thức cộng đồng người phổ biến nhất hiện nay

Khái niệm dân tộc

Dân tộc là một cộng đồng người ổn định được hình thành trong lịch sử trên cơ sở một lãnh thổ thống nhất, một ngôn ngữ thống nhất, một nền kinh tế thống nhất, một nền văn hóa và tâm lý, tính cách thống nhất, với một nhà nước và pháp luật thống nhất

Tính phố biến và tính đặc thù của sự hình thành dân tộc trong lịch sử thế giới

- *Ở châu Âu, dân tộc hình thành gắn liền với sự ra đời của CNTB.
- *Ở phương Đông, dân tộc ra đời rất sớm, không gắn với sự ra đời của CNTB.
- *Dân tộc Việt Nam được hình thành rất sớm gắn liền với quá trình đấu tranh chống ngoại xâm, cải tạo thiên nhiên, bảo vệ nền văn hoá dân tộc, bắt đầu từ khi nước Đại Việt giành độc lập.

II.3. MỐI QUAN HỆ GIAI CẤP - DÂN TỘC - NHÂN LOẠI

a. Quan hệ giai cấp – dân tộc

- Giai cấp quyết định dân tộc: Quan hệ giai cấp quyết định khuynh hướng phát triển và tính chất của dân tộc.
- Vấn đề dân tộc có ảnh hưởng quan trọng đến vấn đề giai cấp: Đấu tranh giải phóng dân tộc là điều kiện, tiền đề cho đấu tranh giải phóng giai cấp.

b. Quan hệ giai cấp, dân tộc và nhân loại

- Giai cấp, dân tộc và nhân loại có mối quan hệ biện chứng với nhau.
- Trong xã hội có giai cấp, lợi ích nhân loại không tách rời với lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc và bị chi phối bởi lợi ích giai cấp và dân tộc.
- Sự tồn tại của nhân loại là tiền đề, là điều kiện tất yếu thường xuyên của sự tồn tại dân tộc và giai cấp.

Ý nghĩa phương pháp luận và ý nghĩa thực tiễn

Phê phán các quan điểm sai trái

Vận dụng trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam



1. NHÀ NƯỚC

2. CÁCH MẠNG XÃ HỘI

III.1. NHÀ NƯỚC

a. Nguồn gốc

Nguyên nhân sâu xa của sự xuất hiện nhà nước là do sự phát triển của lực lượng sản xuất dẫn đến sự dư thừa tương đối của cải, xuất hiện chế độ tư hữu,

Nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự xuất hiện nhà nước là do mâu thuẫn giai cấp trong xã hội gay gắt không thể điều hòa được.

b. Đặc trưng

- Quản lý cư dân trên một vùng lãnh thổ nhất định.
- Có hệ thống các cơ quan quyền lực chuyên nghiệp mang tính cưỡng chế.
- Có hệ thống thuế khóa.

c. Bản chất

Nhà nước là một tổ chức chính trị của một giai cấp thống trị về mặt kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác.

d. Chức năng

- Chức năng thống trị
- Chức năng xã hội
- Chức năng đối nội
- Chức năng đối ngoại

- Căn cứ vào tính chất giai cấp của nhà nước: nhà nước chủ nô quý tộc, nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản, nhà nước vô sản.
- Giống nhau: đều là công cụ thống trị của giai cấp thống trị.
- Khác biệt về chất: nhà nước vô sản là nhà nước đặc biệt, nhà nước của số đông thống trị số ít.

- Hình thức nhà nước là khái niệm dùng để chỉ cách thức tổ chức, phương thức thực hiện quyền lực nhà nước của giai cấp thống trị.
- Trong kiểu nhà nước chủ nô quý tộc thời chiếm hữu nô lệ có hình thức:
 - + Nhà nước quân chủ chủ nô.
 - + Nhà nước cộng hòa dân chủ chủ nô.

Thời Trung cổ, giai cấp địa chủ phong kiến nắm trong tay quyền thống trị xã hội. Nhà nước tồn tại dưới hình thức:

- + Nhà nước phong kiến tập quyền
- + Nhà nước phong kiến phân quyền.

- **Trong xã hội tư bản** tồn tại nhiều hình thức nhà nước như:
- + Chế độ cộng hòa;
- + Chế độ cộng hòa đại nghị;
- + Chế độ cộng hòa tổng thống;
- + Chế độ cộng hòa thủ tướng;
- + Chế độ quân chủ lập hiến, nhà nước liên bang;
- + Nhà nước phúc lợi chung.

Kiểu nhà nước vô sản là kiểu nhà nước "đặc biệt", là nhà nước của số đông thống trị số ít.

- + Nền chuyên chính vô sản (nhà nước vô sản) có chức năng cơ bản là xây dựng một trật tự xã hội mới, thủ tiêu chế độ người áp bức bóc lột người.
- + Thực hiện chức năng tổ chức xây dựng và chức năng trấn áp.

Nhà nước XHCN

*Các hình thức nhà nước Việt Nam trong lịch sử.

*Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa

III.2. CÁCH MẠNG XÃ HỘI

a. Nguồn gốc

b. Bản chất

d.Vấn đề CMXH trên TG hiện nay

c. Phương pháp cách mạng

a. Nguồn gốc

Nguồn gốc sâu xa là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất tiến bộ đòi hỏi được giải phóng, phát triển với quan hệ sản xuất đã lỗi thời, lạc hậu đang là trở ngại cho sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Trong xã hội có giai cấp, đấu tranh giai cấp là *nguồn gốc trực tiếp* dẫn đến cách mạng xã hội.

Cách mạng xã hội là sự *thay đổi căn bản về chất* toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Cách mạng xã hội là cuộc đấu tranh lật đổ chính quyền, thiết lập một chính quyền mới tiến bộ hơn. Cách mạng xã hội thường là đỉnh cao của đấu tranh giai cấp.

- Cách mạng xã hội khác với tiến hóa xã hội.

- + Cách mạng xã hội được thực hiện là do bước nhảy đột biến, làm thay đổi về chất, thay đổi toàn bộ đời sống xã hội.
- + Tiến hóa xã hội là sự thay đổi dần dần, thay đổi từng bộ phận, lĩnh vực của đời sống xã hội.
- Tiến hóa xã hội tạo ra tiền đề cho cách mạng xã hội.

Cách mạng xã hội khác với cải cách xã hội.

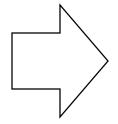
- + Cải cách xã hội chỉ tạo lên những thay đối bộ phận, lĩnh vực riêng lẻ của đời sống xã hội.
- + Khi các cuộc cải cách xã hội được thực hiện thành công ở những mức độ khác nhau, chúng đều tạo ra sự phát triển xã hội theo hướng tiến bộ.

Cách mạng xã hội khác với đảo chính.

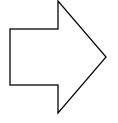
- + Đảo chính là phương thức tiến hành của một nhóm người với mục đích giành chính quyền song không làm thay căn bản chế độ xã hội.
- + Đảo chính không phải là phong trào cách mạng, thường được thực hiện bằng bạo lực, lật đổ của các phe, nhóm có khuynh hướng chính trị đối lập với chính quyền đương thời.

- Tính chất của cách mạng xã hội phụ thuộc vào các yếu tố cơ bản:
 - + Lực lượng cách mạng
 - + Động lực cách mạng
 - + Đối tượng cách mạng
 - + Điều kiện khách quan
 - + Nhân tố chủ quan
 - + Thời cơ cách mạng

c. Phương pháp cách mạng



Phương pháp cách mạng bạo lực là hình thức cách mạng khá phổ biến



Phương pháp hòa bình cũng là một phương pháp cách mạng để giành chính quyền

d. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay

- Xu hướng giữ vững độc lập tự chủ của quốc gia dân tộc, không phụ thuộc và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, đấu tranh cho dân chủ, hòa bình và tiến bộ xã hội đang diễn ra mạnh mẽ, ngày càng tỏ ra chiếm ưu thế.
- Cách mạng xã hội sẽ diễn ra dưới hình thức thay đổi dần dần các yếu tố, lĩnh vực của đời sống xã hội. Xã hội sau sẽ phát triển, tiến bộ hơn xã hội trước.

IV. Ý THỨC XÃ HỘI

1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội

2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội

1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội

a. Khái niệm tồn tại xã hội

Tồn tại xã hội là khái niệm triết học dùng để chỉ toàn bộ những sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định

b. Các yếu tố cơ bản của TTXH

Phương thức sản xuất vật chất

Điều kiện tự nhiên, địa lý

Dân số và mật độ dân số

2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội

a. Khái niệm ý thức xã hội

Ý thức xã hội là khái niệm triết học dùng để chỉ các mặt, các bộ phận khác nhau của lĩnh vực tinh thần xã hội như quan điểm, tư tưởng, tình cảm, tâm trạng, truyền thống... của cộng đồng xã hội; mà những bộ phận này nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn phát triển nhất định



Tâm lý xã hội (Trong *tâm lý xã hội* có tình cảm, tâm trạng, truyền thống,...).

Hệ tư tưởng

(Trong *hệ tư tưởng xã hội* thì quan trọng nhất là các quan điểm, các học thuyết và các tư tưởng).

b. Kết cấu của YTXH

YTXH thông thường



YTXH lý luận

c. Tính giai cấp của YTXH

Trong xã hội có giai cấp, các giai cấp khác nhau có điều kiện vật chất khác nhau, có lợi ích và địa vị xã hội khác nhau thì YTXH của các giai cấp đó cũng khác nhau

d. Các hình thái ý thức xã hội

Ý thức chính trị

Ý thức pháp quyền

Ý thức đạo đức

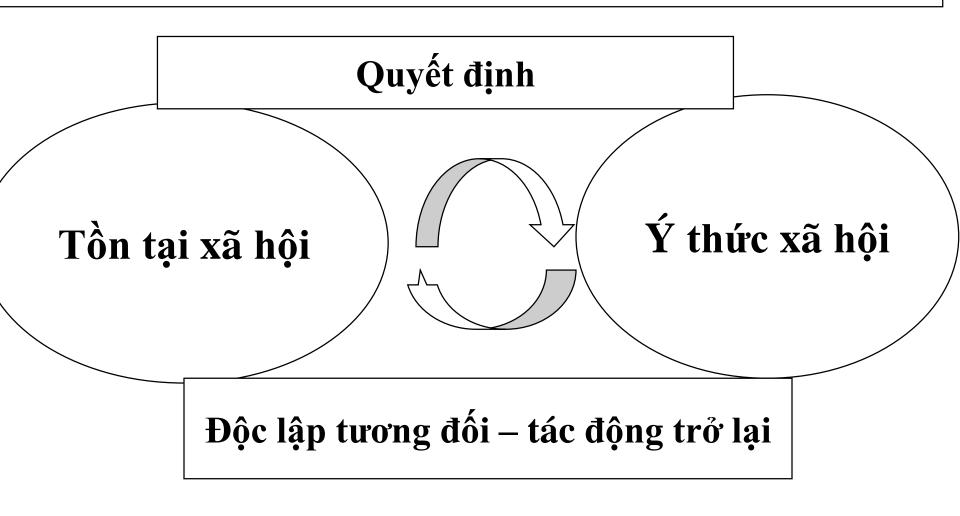
Ý thức thẩm mỹ

Ý thức tôn giáo

Ý thức khoa học

Ý thức triết học

3. Mối quan hệ biện chứng giữa TTXH và YTXH



Tính quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội

- + Tồn tại xã hội là nguồn gốc khách quan, là cơ sở sự hình thành, ra đời của ý thức xã hội;
- + Quyết định nội dung, tính chất, đặc điểm, xu hướng vận động, sự biến đổi và sự phát triển của các hình thái ý thức xã hội.

Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

Thường lạc hậu

Có thể vượt trước

Có tính kế thừa

Tác động qua lại giữa các hình thái

Tác động trở lại TTXH

Ý nghĩa phương pháp luận

- + Đề cao tính quyết định của nhân tố vật chất trong hoạt động nhận thức và thực tiễn. Muốn xây dựng và cải tạo xã hội, cần dựa trên thực tiễn của tồn tại xã hội, tránh chủ quan, duy ý chí.
- + Khi nghiên cứu các hiện tượng ý thức không được dừng lại ở bản thân các hiện tượng ý thức, mà phải đi sâu nghiên cứu tồn tại xã hội làm nảy sinh những hiện tượng ý thức đó.
- + Phát huy vai trò của văn hóa tinh thần, giáo dục và đào tạo làm động lực cho sự phát triển của xã hội.

V. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

- 1.Khái niệm con người và bản chất con người
- 2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người
- 3. Quan hệ cá nhân, xã hội,vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử



* Con người là thực thế sinh học - xã hội

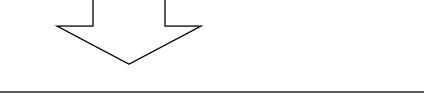
Theo C.Mác, con người là một *sinh vật* có *tính xã hội* ở trình độ phát triển cao nhất của giới tự nhiên và của lịch sử xã hội, là chủ thể của lịch sử, sáng tạo nên tất cả các thành tựu của văn minh và văn hóa.

- * Con người là thực thế sinh học xã hội
- Con người là thực thể sinh vật xã hội. Con người là một thực thể tự nhiên mang đặc tính xã hội; có sự thống nhất biện chứng giữa hai phương diện tự nhiên và xã hội.
- + Bản tính tự nhiên của con người được xem xét ở 2 góc độ:

Thứ nhất, con người là kết quả của sự tiến hóa và phát triển lâu dài của giới tự nhiên.

Thứ hai, con người là một bộ phận của giới tự nhiên, vì giới tự nhiên là "thân thể vô cơ của con người". Vì vậy những biến đổi của giới tự nhiên và tác động quy luật tự nhiên đều trực tiếp hay gián tiếp tác động đến cuộc sống của con người.

- * Con người là thực thể sinh học xã hội
- + Bản tính xã hội của con người được xem xét từ 2 góc độ: Thứ nhất, con người còn là một thực thể xã hội có các hoạt động xã hội. Hoạt động xã hội quan trọng nhất của con người là lao động sản xuất. Lao động đã góp phần cải tạo bản năng sinh học của con người, làm cho con người trở thành con người đúng nghĩa của nó. Thứ hai, trong hoạt động con người không chỉ có các quan hệ lẫn nhau trong sản xuất, mà còn có hàng loạt các quan hệ xã hội khác. Những quan hệ đó ngày càng phát triển phong phú, đa dạng, thế hiện những tác động qua lại giữa họ với nhau. Xã hội, xét đến cùng, là sản phẩm của sự tác động qua lại lẫn nhau giữa những con người.



*Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người

Chủ nghĩa Mác khẳng định con người vừa là sản phẩm của sự phát triển lâu dài của giới tự nhiên, vừa là sản phẩm của lịch sử xã hội loài người và của chính bản thân con người.

*Con người vừa là chủ thế của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử

Con người vừa là sản phẩm của lịch sử tự nhiên và lịch sử xã hội, nhưng đồng thời, lại là chủ thể của lịch sử bởi lao động và sáng tạo là thuộc tính xã hội tối cao của con người.

*Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội

Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội: "Trong tính hiện thực của nó, bản chất của con người là tổng hòa các quan hệ xã hội".

Bản chất của con người luôn được hình thành và thể hiện ở những con người hiện thực, cụ thể trong những điều kiện lịch sử cụ thể.

*Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội

Theo C.Mác không có con người trừu tượng, chung chung nằm ngoài các quan hệ xã hội, thoát ly điều kiện lịch sử mà nó tồn tại. Chỉ có trong mối quan hệ với những người khác, với đồng loại con người mới tồn tại, phát triển; Mọi mối quan hệ xã hội đều tham gia vào quá trình hình thành, phát triển bản chất con người; Vị trí, vai trò của các mối quan hệ xã hội không ngang bằng nhau trong sự hình thành bản chất con người và vai trò đó phụ thuộc vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Bản chất con người không cố định, bất biến mà vận động, thay đối cùng với sự thay đối của xã hội.

V.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người

Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa - Thực chất của lao động bị tha hóa là quá trình lao động và sản phẩm của lao động từ chỗ để phục vụ con người, để phát triển con người đã bị biến thành lực lượng đối lập, nô dịch và thống trị con người.

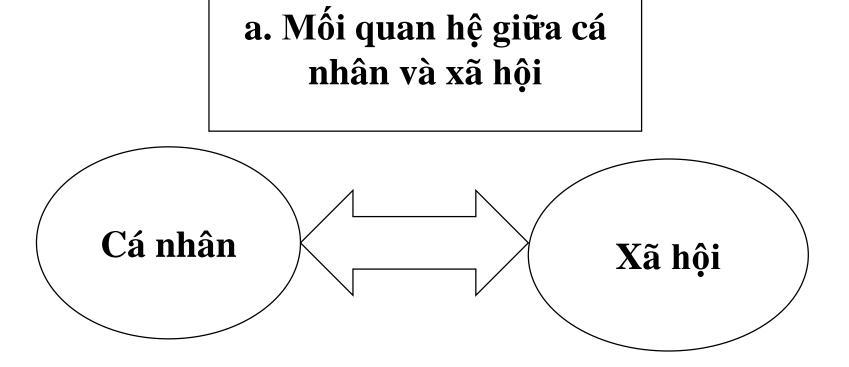
- Tha hóa của con người là một hiện tượng lịch sử đặc thù, chỉ diễn ra trong xã hội có phân chia giai cấp.
- Nguyên nhân: chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.

V.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người

Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức là tư tưởng căn bản, cốt lõi.

Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người.

V.3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử



a. Mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội

- "Con người là một *thực thế xã hội* mang tính *cá nhân*"
- Cá nhân và xã hội *không tách rời nhau*. Xã hội do các cá nhân cụ thể hợp thành, mỗi cá nhân là một phần tử của xã hội sống và hoạt động trong xã hội đó
- Sự thống nhất cá nhân xã hội còn thể hiện ở một góc độ khác trong quan hệ con người giai cấp và con người nhân loại.

a. Mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội

- Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải luôn chú ý *giải quyết đúng đắn* mối quan hệ xã hội cá nhân, phải tránh khuynh hướng đề cao quá mức (mặt/cái) cá nhân hoặc (mặt/cái) xã hội.
- Trong đời sống xã hội khi xem xét con người phải đặt nó trong *tổng thể các quan hệ xã hội*, bởi trong tính hiện thực, bản chất của con người là tổng thể các quan hệ xã hội.

Quần chúng nhân dân

Cá nhân lãnh tụ, vĩ nhân

- Các tôn giáo đều cho rằng lịch sử vận động của xã hội là do Thượng đế, Chúa trời sắp đặt
- Các trào lưu duy tâm cho rằng lịch sử xã hội là do các bậc *vua chúa*, các *vĩ nhân*, quần chúng nhân dân chỉ là những đám đông ô hợp, chịu sự điều khiển của các bậc vua chúa.
- Các nhà duy vật trước Mác khẳng định rằng sự biến đổi của xã hội là do đạo đức, tình yêu thương...

- Theo quan điểm triết học Mác- Lênin, xã hội biến đổi nhờ hoạt động của toàn thể *quần chúng nhân dân* dưới sự lãnh đạo của các *tổ chức* hoặc *cá nhân* nhằm thực hiện một mục đích nào đó.
- Mối quan hệ giữa vai trò quần chúng nhân dân với cá nhân chính là quan hệ giữa vai trò của nhân dân lao động với cá nhân lãnh tụ/vĩ nhân.

- Quần chúng nhân dân là thuật ngữ chỉ tập hợp đông đảo những con người hoạt động trong một không gian và thời gian xác định, bao gồm nhiều thành phần, tầng lớp xã hội và giai cấp đang hoạt động trong một xã hội xác định.
- Đó có thể là toàn bộ quần chúng nhân dân của một quốc gia, một khu vực lãnh thổ xác định.

- Quần chúng nhân dân bao gồm:
- + Những người lao động sản xuất ra của cải vật chất và tinh thần.
- + Toàn thể dân cư đang chống lại những kẻ áp bức, bóc $l \hat{\rho} t$.
- + Những người đang có các hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau, trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần vào *sự biến đổi xã hôi*.

- Trong số các cá nhân ở những thời kỳ lịch sử nhất định, xuất hiện những *cá nhân kiệt xuất*, trở thành những người lãnh đạo quần chúng nhân dân nhằm thực hiện một mục tiêu xác định. Đó là những *lãnh tụ* hay *vĩ nhân*.

- Quần chúng nhân dân là *chủ thể* sáng tạo chân chính, là động lực phát triển của lịch sử.
- + Yếu tố căn bản và quyết định của LLSX
- + Là lực lượng chủ yếu, cơ bản và quyết định mọi thắng lợi của các cuộc cách mạng
- + Chủ thể sáng tạo các giá trị văn hóa, tinh thần và đời sống tinh thần

- Trong mối quan hệ với quần chúng nhân dân, lãnh tụ đóng vai trò hết sức to lớn, vô cùng quan trọng.
- Khi lịch sử đặt ra những nhiệm vụ cần phải giải quyết thì từ trong quần chúng nhân dân sẽ xuất hiện những lãnh tụ để giải quyết những nhiệm vụ đó của lịch sử.

- Tuyệt đối hóa *vai trò của lãnh tụ* sẽ dẫn đến tệ sùng bái cá nhân, thần thánh hóa lãnh tụ, coi nhẹ quần chúng nhân dân, hạn chế việc phát huy tính năng động, sáng tạo của quần chúng nhân dân,
- Tuyệt đối hóa *vai trò của quần chúng nhân dân*, xem nhẹ vai trò của các cá nhân và lãnh tụ sẽ dẫn đến hạn chế, xem thường các sáng kiến cá nhân.

V4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

- Theo Hồ Chí Minh: "chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người"
- Quan niệm về con người của Hồ Chí Minh rõ ràng là đã được cụ thể hóa, *bao hàm* cả cá nhân, cộng đồng, giai cấp, dân tộc, nhân loại.
- Con người *vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển*, là nội dung cốt lõi, là tư tưởng căn bản trong chiến lược phát triển con người của nước ta.

V4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

- Việc *phát huy vai trò* con người ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay:
- + Đấu tranh không khoan nhượng chống thóai hóa, biến chất, suy thóai về chính trị, tư tưởng đạo đức, chống lại những thói hư tật xấu, những đặc tính tiêu cực của con người Việt Nam.
- + Xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước hiện nay với những đức tính

V4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

- Có *tinh thần* yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên.
- Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung.
- Có *lối sống* lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.
- Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kĩ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội
- Thường xuyên *học tập*, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực